

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2020/DS-PT

Ngày 05-3-2020

V/v “Tranh chấp hợp đồng góp hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị An Tiên.**

Các thẩm phán:

Ông Nguyễn Văn Bình;

Bà Nguyễn Thị Thúy Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hà Thị Cẩm Vân** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh: Bà **Đặng Thị Châu** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 27 tháng 02 và ngày 05 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 459/2019/TLPT-DS ngày 31 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 144/2019/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 36/2020/QĐPT-DS ngày 10 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phan Thị M**, sinh năm 1974; Địa chỉ: xã Th, huyện T, tỉnh Tây Ninh. – Có mặt.

2. Bị đơn: Chị **Huỳnh Thị A**, sinh năm 1988; Anh **Nguyễn Hoàng L**, sinh năm 1988; Địa chỉ: xã Th, huyện Ch, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của anh L: Chị **Huỳnh Thị A**, sinh năm 1988, nơi cư trú: xã Th, huyện T, tỉnh Tây Ninh (Theo văn bản ủy quyền ngày 07/10/2019). – Có mặt.

3. Người kháng cáo: bị đơn chị Huỳnh Thị A

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 8 năm 2019, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Do có quan hệ quen biết, chị A có tham gia dây hội 2.000.000 đồng mở ngày 15-3-2015 (AL) do chị làm chủ thảo. Hội gồm 20 phần, chị A tham gia 01 phần, mỗi tháng khai hội 01 lần vào ngày 15 âm lịch hàng tháng. Kết thúc hội ngày 15-10-2016 (AL) nhằm ngày 15-10-2016 (DL). Đến kỳ thứ 3 mở ngày 15-5-2015 (AL) chị A hốt hội được 25.250.000 đồng. Ngày 25/5/2015(AL), chị A anh L nhận tiền và ký tên vào giấy nhận tiền hội. Anh L chị A phải góp cho chị 17 kỳ mỗi kỳ 2.000.000 đồng nhưng từ sau khi hốt hội anh L chị A không góp hội lại cho chị kỳ nào, chị phải góp thay cho chị A và anh L. Nay chị khởi kiện yêu cầu chị Huỳnh Thị A và anh Nguyễn Hoàng L hoàn trả cho chị 34.000.000 đồng tiền hội chị đã góp thay 17 kỳ mỗi kỳ 2.000.000 đồng; không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn chị Huỳnh Thị A, anh Nguyễn Hoàng L trình bày:

Chị thống nhất với lời trình bày của chị M về việc tham gia hội. Chị hốt hội vào kỳ thứ 3 ngày 15-5-2015 (AL) được 25.250.000 đồng. Thực tế chị M có giao tiền hội cho chị 20.000.000 đồng, còn 5.250.000 đồng chị và chị M thỏa thuận trả tiền hội của dây hội 500.000 đồng cho mẹ ruột của chị là bà Huỳnh Thị Ga. Việc dùng 5.250.000 đồng để trả nợ hội cho bà Ga là do chị tự nguyện. Chị xác định chữ ký và họ tên trong giấy nhận tiền hội lập ngày 25/5/2015 âm lịch là do vợ chồng chị tự nguyện ký tên xác nhận. Sau khi hốt hội chị và anh L đã góp tất cả các kỳ hội còn lại cho chị M nên chị và anh L không đồng ý trả cho chị M 34.000.000 đồng theo yêu cầu khởi kiện của chị M.

Tại bản án sơ thẩm số 144/2019/DS-ST ngày 28-11-2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh quyết định:

- Áp dụng Điều 116, Điều 117 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị M đối với chị Huỳnh Thị A, anh Nguyễn Hoàng L. Buộc chị Huỳnh Thị A, anh Nguyễn Hoàng L có nghĩa vụ trả cho chị Phan Thị M 34.000.000 đồng tiền hội.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

*** Nội dung kháng cáo:** Theo đơn kháng cáo đề ngày 04-12-2019 của chị Huỳnh Thị A, kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc chị và anh L hoàn trả 34.000.000 đồng.

Ý kiến Kiểm sát viên:

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:* Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng qui định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo luật Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa phúc thẩm dân sự.

- *Về việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng:* Điều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội qui phiên tòa.

- *Về nội dung:* Nhận thấy chị M khởi kiện yêu cầu chị A trả 34.000.000 đồng tiền hối chết còn nợ. Chị M cho rằng chị đã góp thay cho chị A và nhiều lần yêu cầu chị A anh L trả nhưng không trả nên chị khởi kiện. Chứng cứ chị M cung cấp là giấy nhận tiền hối hối, đây không phải là chứng cứ chứng minh chị A và anh L còn nợ hối chết của chị M. Bởi hối mẫn ngày 14-11-2016 nhưng chị M không cung cấp chứng cứ chứng minh đã đòi nhiều lần hay giấy gút nợ; Chị A trình bày đã góp hối chết đầy đủ, mặc dù không có chứng cứ chứng minh nhưng phù hợp với thực tế. Hơn nữa theo quy định tại Điều 9 của Nghị định số 144, chủ hối có nghĩa vụ lập sổ hối, nội dung sổ phải có nội dung hối viên góp hối có chữ ký và điểm chỉ. Danh sách hối viên do chị M cung cấp không thể hiện nội dung trên. Đề nghị chấp nhận kháng cáo của chị A. Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị M và chị A đều xác nhận, chị A, anh L tham gia dây hối 2.000.000 đồng do chị M làm chủ thảo. Dây hối mở ngày 15/3/2015 (AL), kết thúc hối ngày 15/10/2016 (AL); gồm 20 phần, chị A anh L tham gia 01 phần và đã hối hối ở kỳ thứ 03 ngày 15/5/2015 (AL) với số tiền 25.250.000 đồng. Như vậy giữa các đương sự không có tranh chấp về thời điểm mở hối, kết thúc hối và số phần hối. Ngoài ra trong hồ sơ thể hiện, chị M cung cấp được tài liệu thể hiện danh sách hối viên, trong đó thể hiện tên từng hối viên, từng kỳ hối hối và số tiền hối hối. Chị A và anh L hối hối có ký tên nhận tiền hối. Như vậy chị M đã thực hiện đúng quy định tại Điều 9 của Nghị định số 144.

Chị A cho rằng chị A, anh L đã góp hối đầy đủ cho chị M cho đến khi mẫn hối nhưng chị M không thừa nhận, chị A không cung cấp được chứng cứ mới để chứng minh cho kháng cáo của chị là có cơ sở. Việc chị M và chị A, anh L không thực hiện việc gút hối không phải chứng cứ để chứng minh chị A, anh L đã góp hối. Do đó, kháng cáo và đề nghị của Kiểm sát viên không được chấp nhận. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm xác định tranh chấp giữa các bên là tranh chấp về hối là đúng nhưng không áp dụng các quy định của Nghị định số 144/2006/NĐ – CP

[3] Về án phí phúc thẩm: Chị Huỳnh Thị A phải chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm do kháng cáo của chị A không được chấp nhận theo quy định tại Khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của chị Huỳnh Thị A; Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 144/2019/DS-ST ngày 28-11-2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị M đối với chị Huỳnh Thị A, anh Nguyễn Hoàng L về “Tranh chấp hợp đồng góp hui”

Ghi nhận chị Phan Thị M không yêu cầu tính lãi tiền hụi góp thay.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Hoàn trả cho chị Phan Thị M 1.114.000 đồng (Một triệu một trăm mười bốn ngàn đồng) theo biên lai thu số 0015768 ngày 26 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Chị Huỳnh Thị A phải chịu 300.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm chị A đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000097 ngày 04-12-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận chị A đã nộp xong khoản tiền này.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- TAND H.;
- Chi cục H;
- Phòng KTNV;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

Nguyễn Thị An Tiên

